

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 28/2017/HS-GĐT
Ngày 03/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 08 thành viên tham gia xét xử, do ông: Nguyễn Anh Tiến, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, ông: Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa, ông: Nguyễn Vũ Thắng - Thư ký Tòa án.

Ngày 03/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên tòa giám đốc thẩm, xét xử vụ án hình sự đối với các bị cáo:

1. Mai Văn D (tên gọi khác: V), sinh ngày 21/11/1988; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trần Văn L và bà Mai Thị L; có vợ là Phan Thị T (bị cáo cùng vụ án); có 1 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Phan Thị T (tên gọi khác: B), sinh ngày 15/7/1993; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Phan X và bà Nguyễn Thị Đ; chồng là Mai Văn D (bị cáo cùng vụ án); có 1 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người bị hại: Vợ chồng ông Trần Văn L và bà Mai Thị L; trú tại: tổ dân phố A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN THẤY:

Vợ chồng Mai Văn D, Phan Thị T ở cùng nhà với bố mẹ ruột là ông Trần Văn L, bà Mai Thị L. Khoảng 8 giờ 15 phút ngày 17/12/2015, lợi dụng lúc mọi người trong nhà đi vắng, Mai Văn D nói với vợ là Phan Thị T “*lên phòng mẹ lấy trộm tiền của mẹ*”, thì T nói lại “*anh lấy tiền làm gì, đừng nữa*”, nhưng D vẫn đi thẳng lên tầng 2, vào phòng ngủ của ông L, bà L. Sau đó, D dùng chìa khóa đã chuẩn bị từ trước, mở tủ đựng áo quần lấy 01 thùng nhôm (bên trong có 120.000.000 đồng và số vàng gồm: 10 khâu nhẫn tròn trơn, 6 sợi dây chuyền, 01 cái lắc và 7 khâu nhẫn có gắn đá trang trí). D bảo T điều khiển xe mô tô BKS 75H1-246.66 mang thùng nhôm đến cầu Thuận An đứng đợi D. Sau khi T đi, D

tiếp tục lấy chìa khóa đã làm sẵn, mở hộc tủ bán hàng tạp hóa lấy 7.000.000 đồng bỏ vào 01 túi nilông màu đen, rồi D vào bếp lấy con dao nhọn và 01 cây kim, điều khiển xe mô tô BKS 75H4-2608 chạy ra cầu Thuận An gặp T. Sau khi đưa thùng nhôm cho D, thì T đi chỗ khác. D dùng dao nhọn đâm thùng thùng nhôm, dùng kim kéo tấm nhôm bị rách ra, lấy hết tiền để riêng vào 01 bì nilông màu đen và lấy hết vàng để riêng vào 01 bì nilông màu đen khác rồi vứt thùng nhôm, 02 chìa khóa, 01 cái kim xuống phá Tam Giang. Sau đó, D chạy xe về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ cất giấu túi đựng vàng trong một chồng rổ nhựa để trước hiên nhà và cất giấu túi tiền ở phía sau hè nhà, còn túi đựng 7.000.000 đồng đã bị rút mất.

Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, ông L, bà L về đến nhà phát hiện mất tài sản đã trình báo Công an. Trong khi Cơ quan Công an đang điều tra, thì tối ngày 18/12/2015, D và T thú nhận và mang tiền, vàng trả lại cho ông L, bà L. Khi nhận lại tài sản thì bà L đã lấy ra số tiền 10.000.000 đồng cho bà Mai Thị T ở cùng thôn mướn.

Đến ngày 19/12/2015, D và T đầu thú tại cơ quan Công an, đồng thời giao nộp toàn bộ số vàng và số tiền 110.000.000 đồng còn lại.

Tại Bản kết luận giám định số 08/TB-TĐC ngày 08/01/2016, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị kết luận: 10 chiếc nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng khối lượng 5 chỉ, hàm lượng vàng từ 99,60 đến 99,99%; 01 lắc đeo tay màu vàng, khối lượng 5,05 chỉ, hàm lượng vàng 61%; 01 chiếc nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ, khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 46,90%; 01 chiếc nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ, khối lượng 1,35 chỉ, hàm lượng vàng 47,22%; 01 nhẫn dài (gắn đá màu xanh), khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng 49,23%; 01 nhẫn xoài (gắn đá màu tím), khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng 45,19%; 01 nhẫn vuông (gắn 12 viên đá màu trắng), khối lượng 0,45 chỉ, hàm lượng 47,17%; 01 chiếc nhẫn xoài gắn đá màu trắng, khối lượng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 43,03%; 01 chiếc nhẫn xoài gắn đá màu trắng, khối lượng 0,7 chỉ, hàm lượng vàng 47,63%; 01 sợi dây chuyền tượng phật đá màu trắng, khối lượng 3,28 chỉ, hàm lượng vàng 52,68%; 01 dây chuyền tượng phật vàng, khối lượng 2,8 chỉ, hàm lượng vàng 61,71%; 01 dây chuyền tượng mèo, khối lượng 2,3 chỉ, hàm lượng vàng 66,12%; 01 dây chuyền xoắn thường, khối lượng 1,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,65%; 01 dây chuyền tượng trái tim, khối lượng 1, 5 chỉ, hàm lượng vàng 47,49%; 01 dây chuyền tượng sao biển, khối lượng 0,65 chỉ, hàm lượng vàng 68,50%.

Tại Bản kết luận định giá số 10/KL-HĐĐG ngày 15/01/2016, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P (sau đây gọi tắt là Hội đồng định giá) kết luận: 10 chỉ vàng loại 99,60 đến 99,99% vàng có giá 30.230.000 đồng; 5,05 chỉ vàng , loại 61% vàng có giá 9.070.810 đồng; 0,6 chỉ vàng loại 46,90% vàng có giá 773.470 đồng; 1,35 chỉ vàng loại 47,22% có giá 1.740.286 đồng; 0,6 chỉ vàng loại 49,23% có giá 773.460 đồng; 0,6 chỉ vàng loại 45,19% có giá 773.640 đồng; 0,45 chỉ vàng loại 47,17% có giá 585.095 đồng; 0,6 chỉ vàng loại 43,03% có giá

773.460 đồng; 0,7 chỉ vàng loại 47,63% có giá 902.370 đồng; 3,28 chỉ vàng loại 52,68% có giá 5.029.360 đồng; 2,8 chỉ vàng loại 61,71% có giá 5.029.360 đồng; 2,3 chỉ vàng loại 66,12% có giá 4.131.260 đồng; 1,6 chỉ vàng loại 45,65% có giá 2.062.560 đồng; 1,5 chỉ vàng loại 47,49% có giá 1.933.650 đồng; 0,65 chỉ vàng loại 68,50% có giá 1.167.530 đồng.

Tổng giá trị số vàng trên là 65.833.296 đồng. Tổng cộng, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là: 192.833.296 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST ngày 06/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang quyết định:

“Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt: Mai Văn D 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phan Thị T 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo”.

Ngày 13/7/2016, Mai Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được nhận lại chiếc xe máy mà bản án sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 104/2016/HSPT ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo D; “Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt: Mai Văn D 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về xử lý vật chứng: tuyên trả lại xe mô tô, biển kiểm soát 75 H1-246.66 cho chủ sở hữu là ông Trần Văn L và bà Mai Thị L để quản lý sử dụng.”

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2017/KN-HS ngày 05/5/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 104/2016/HSPT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế để điều tra lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm, Mai Văn D và Phan Thị T đều khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của cha, mẹ bị cáo (ông Trần Văn L, bà Mai Thị L) vào ngày 17/12/2015, với mục đích để kinh doanh cửa hàng bán quần áo, vì trước đó xin tiền ba, mẹ nhưng chưa được đồng ý. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Để có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế có quyết định trưng cầu giám định chất lượng và khối lượng kim loại vàng, quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với tài sản bị trộm là đúng với hướng dẫn tại điểm 1 Mục II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp.

Tại Điều 13 Nghị định số 26/2005/NĐ ngày 02/3/2005 của Chính phủ về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quy định căn cứ định giá tài sản:

“Việc định giá tài sản phải dựa trên các căn cứ sau đây:

- 1. Giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm và nơi tài sản bị xâm phạm;*
- 2. Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;*
- 3. Giá trên tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, nếu có;*
- 4. Giá trị thực tế của tài sản cần định giá;*
- 5. Các căn cứ khác về giá trị của tài sản cần định giá”.*

Hội đồng định giá đã căn cứ Quyết định số 24/2005/QĐ-BTC ngày 18/04/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành 03 tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước, để làm căn cứ định giá tài sản là không đúng với quy định nêu trên, hơn nữa những văn bản trên đã hết hiệu lực pháp luật tại thời điểm tiến hành định giá (ngày 15/01/2016) và quy định chỉ đối với các cơ quan Nhà nước....

Ngoài ra, Hội đồng định giá còn lấy đơn giá vàng tại Cổng thông tin vật giá ngày 17/12/2015 để xác định giá cũng là không đúng vì Cổng thông tin vật giá không phải là căn cứ pháp lý để xác định giá vàng, mà phải là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và phụ thuộc thị trường nơi tài sản bị xâm phạm.

Do đó, Kết luận định giá của Hội đồng định giá xác định số vàng mà bị cáo D, T chiếm đoạt có tổng giá trị 65.833.296 đồng là chưa chính xác.

Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ vào kết luận định giá tài sản không đúng pháp luật nêu trên để truy tố, xét xử đối với Mai Văn D, Phan Thị T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, để đủ căn cứ vững chắc kết luận D, T chiếm đoạt tài sản của cha, mẹ (ông L, bà L) có giá trị bao nhiêu, thì cần làm rõ số tiền 127.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt thuộc quyền sở hữu của ông L, bà L hay còn thuộc quyền sở hữu của người nào khác.

Vì những sai phạm nêu trên, để xét xử đúng quy định pháp luật, quyết định mức hình phạt đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của D và T, thấy cần phải hủy bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm để điều tra, truy tố lại.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 285; Điều 287 và Điều 289 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 104/2016/HSPT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2016/HSST ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND huyện Phú Vang;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Các bị cáo (theo địa chỉ nêu trên);
- Người bị hại (theo địa chỉ nêu trên);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GDKT I (03 bản),
Phòng HCTP, Phòng LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tiến